

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **18/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/6/2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Châu

2. Bà Phạm Thị Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên

Ngày 21/6/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27/12/2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đàm Nhân T1**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T2**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, anh Đàm Nhân T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm 1988; quê quán: Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/4/2013. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại gia đình anh T1 ở thôn G, xã Đ, huyện N đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách do hai người ở hai miền Bắc, Nam khác nhau và không bảo ban được nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình. Từ đó, anh chị ly thân về tình cảm, không bảo ban được nhau. Nay, anh xác định tình cảm không còn, nên xin ly hôn chị T2.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đàm Phương Th, sinh ngày 29/7/2013, hiện do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và xác định có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con tốt, nên tự nguyện không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, do điều kiện công việc, chị T2 chỉ thi thoảng về thăm con mà không trực tiếp nuôi con được.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đúng quy định, nhưng chị Nguyễn Thị Phương T2 vắng mặt, nên Tòa án không thu thập được bản khai của chị T2.

Tại phiên tòa, anh Đàm Nhân T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Mâu thuẫn giữa anh với chị T2 đã trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được nữa, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T2 để ổn định cuộc sống riêng; việc chị T2 không đến Tòa án để giải quyết vụ án là gây khó khăn cho anh trong việc xin ly hôn, thực tế không còn tình cảm gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chấp hành không đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đàm Nhân T1, xử cho anh T1 ly hôn chị Nguyễn Thị Phương T2; về con chung: Giao con chung Đàm Phương Th, sinh ngày 29/7/2013 cho anh T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị T2 phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Buộc anh Đàm Nhân T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đàm Nhân T1 có đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung giữa anh với chị Nguyễn Thị Phương T2, cư trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Anh T1 nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định. Chị T2 được triệu

tập hợp lệ nhưng không có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T2.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Đàm Nhân T1 và chị Nguyễn Thị Phương T2 được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N vào ngày 23/4/2013 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách và cách thức phát triển kinh tế gia đình. Do không thể giải quyết được mâu thuẫn, anh chị ly thân về mặt tình cảm; chị T2 đi làm chỉ thi thoảng mới về gia đình thăm con. Do mâu thuẫn đã kéo dài, không thể hàn gắn được, anh T1 xin ly hôn chị T2 để ổn định cuộc sống riêng. Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, thể hiện: Giữa anh T1 và chị T2 có mâu thuẫn từ năm 2014, do anh chị không hợp nhau vì môi trường sống khác nhau, anh là người miền Bắc, chị miền Nam. Hai anh chị không giải quyết được mâu thuẫn để cải thiện quan hệ hôn nhân, vẫn chung sống nhưng ly thân. Hiện nay, chị T2 chỉ thi thoảng mới về gia đình thăm con rồi lại đi. Về việc anh T1 xin ly hôn chị T2, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T2 là có thật và đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; có căn cứ để xử cho anh Đàm Nhân T1 ly hôn chị Nguyễn Thị Phương T2.

[3] Về con chung: Anh T1 và chị T2 có một con chung là Đàm Phương Th, sinh ngày 29/7/2013, hiện do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 xác định có đủ điều kiện nuôi con, có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản: Đang sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đàm Nhân T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đàm Nhân T1.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Đàm Nhân T1 ly hôn chị Nguyễn Thị Phương T2.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung Đàm Phương Th, sinh ngày 29/7/2013 cho anh Đàm Nhân T1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T1 không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con.

Chị T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Đàm Nhân T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004627 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Anh T1 đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/6/2019; bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã Đ, huyện N (*để ghi vào sổ Hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Chính